CTCP Gạch men Thanh Thanh (HNX: TTC)

FireAnt

Ngày 28/06/2024	10,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.9%	-0.9%	-16.2%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	10,300 - 13,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	65
Số lượng CPLH (CP)	5,940,528
KLGD BQ 20 phiên (CP)	620
Sở hữu nước ngoài	8.3%
Beta	0.47
EPS	833
P/E	13.1

Tỷ suất lợi nhuận

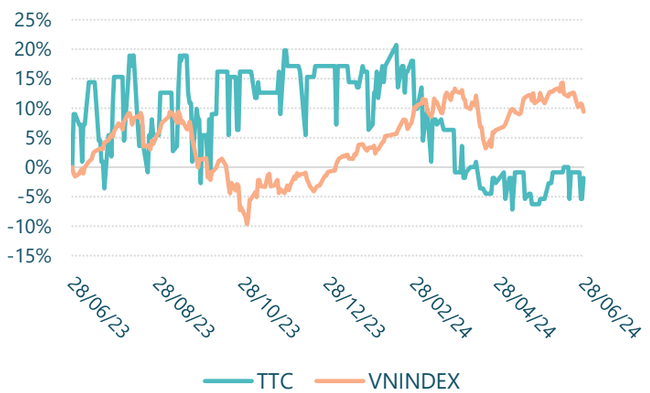

Doanh thu thuần

Q2/24

47.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 12.5 | 36.1%

YoY: ▼15.8 | -25.0%

Nợ/VCSH

Q2/24

47.2%

YoY: +/-▲ 7.7%

LN gộp

Q2/24

6.07

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.69 | 12.9%

YoY: ▼1.75 | -22.4%

ROE (TTM)

Q2/24

4.3%

YoY: +/-▼ 2.1%

LN trước thuế

Q2/24

0.41

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.37 | -47.1%

YoY: ▼3.17 | -88.5%

ROA (TTM)

Q2/24

2.8%

YoY: +/-▼ 1.5%

Kết quả kinh doanh Q2/24

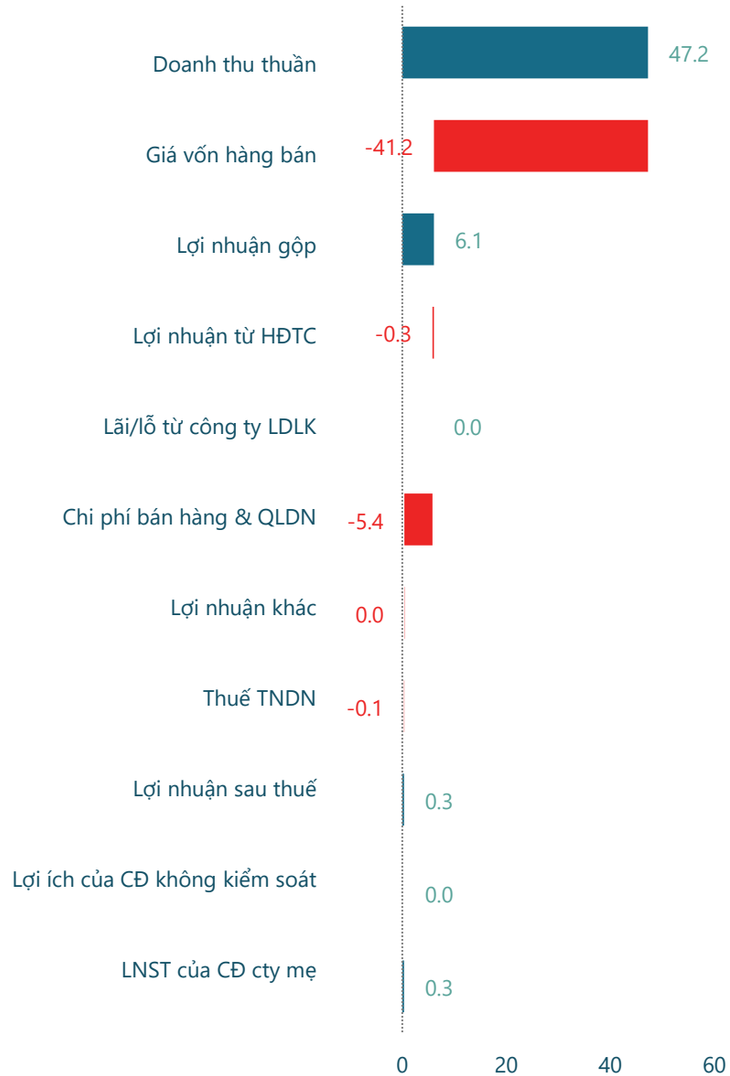

CTCP Gạch men Thanh Thanh (HNX: TTC)

FireAnt

Kết quả kinh doanh

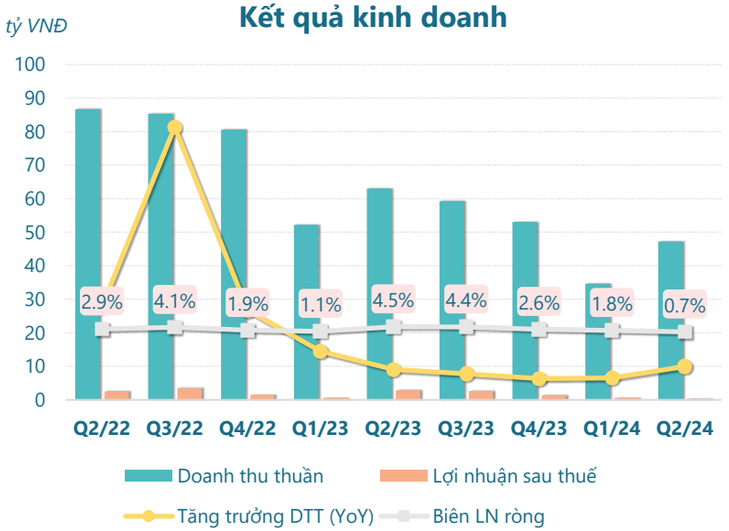

Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 0.42 tỷ đồng**, giảm đi 46.2% so với kỳ trước và thấp hơn 84.2% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 0.27 tỷ đồng** giảm đi 370% so với kỳ trước và thấp hơn 121% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **bằng 0** không đổi so với kỳ trước và thấp hơn 100.0% so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu chi phí

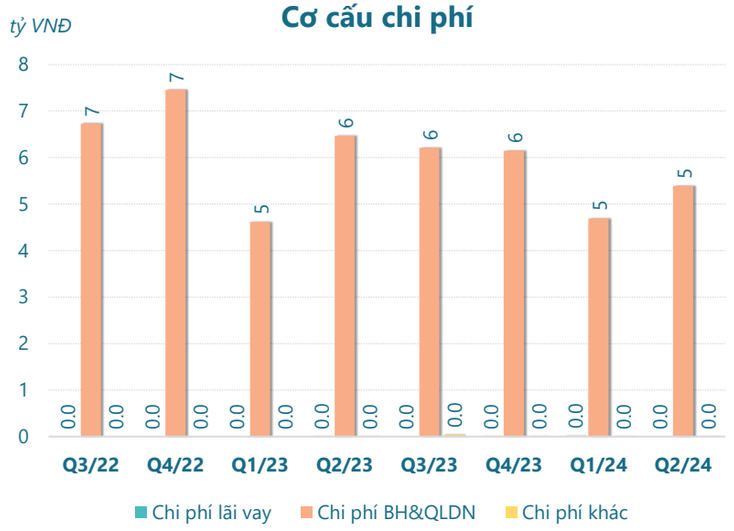

Kết quả kinh doanh của **TTC** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **47.23 tỷ đồng** giảm đi **25.1%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 0.32 tỷ đồng**, **giảm sút 88.7%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **82.00 tỷ đồng** thấp hơn 28.7% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 1.00 tỷ đồng** thấp hơn 66.7% so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu lợi nhuận

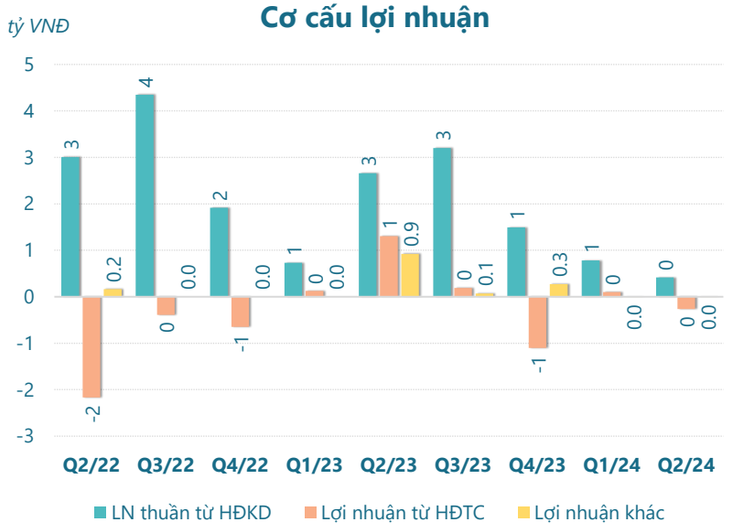

Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **0.00 tỷ đồng** giảm đi 100.0% so với kỳ trước và thấp hơn 100.0% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **5.39 tỷ đồng** tăng thêm 14.9% so với kỳ trước và thấp hơn 16.6% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Gạch men Thanh Thanh (HNX: TTC)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**47.2**	**34.7**	**36.1%**	**63.0**	**-25.0%**	**81.9**	**115**	**-28.9%**
Giá vốn hàng bán	41.2	29.3	40.5%	55.2	-25.4%	70.4	102	-31.1%
Lợi nhuận gộp	6.07	5.38	12.9%	7.82	-22.4%	11.5	13.0	-12.2%
Doanh thu HĐTC	0.12	0.15	-22.6%	0.30	-61.3%	0.26	0.48	-45.2%
Chi phí TC	0.38	0.05	664%	-1.00	138%	0.43	-0.95	145%
Chi phí lãi vay	0	0.01	-100%	0.01	-100%	0.01	0.01	103%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.53	0.61	151%	1.99	-23.1%	2.14	3.86	-44.6%
Chi phí QLDN	**3.86**	**4.08**	**-5.4%**	**4.47**	**-13.6%**	**7.94**	**7.22**	**10.1%**
LN thuần từ HĐKD	0.42	0.78	-46.7%	2.66	-84.4%	1.20	3.39	-64.6%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.00**		**0.92**	**-100%**	**0.00**	**0.92**	**-100%**
LN trước thuế	0.41	0.78	-47.1%	3.58	-88.5%	1.20	4.31	-72.3%
Lợi nhuận sau thuế	**0.32**	**0.63**	**-49.0%**	**2.84**	**-88.7%**	**0.95**	**3.43**	**-72.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.32**	**0.63**	**-49.0%**	**2.84**	**-88.7%**	**0.95**	**3.43**	**-72.4%**

